

Số: 1153/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 27 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 93/TTr-SNN ngày 16/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025, như sau:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021-2025.

2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.

3. Trên địa bàn xã có ít nhất một mô hình thôn thông minh.

4. Đạt một trong các quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực nổi trội nhất về: Tổ chức sản xuất, giáo dục, văn hóa, cảnh quan môi trường, an ninh trật tự, chuyển đổi số (*tại các phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành

Căn cứ chức năng quản lý nhà nước, ban hành hướng dẫn thực hiện và đánh giá nội dung các tiêu chí thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi, quản lý; đôn đốc các địa phương thực hiện các nội dung quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021-2025; trong quá trình thực hiện có vấn đề mới phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và các quy định có liên quan, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- BCĐ các Chương trình MTQG TW;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^{TTuần}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Văn

Phụ lục 01:**Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “Tổ chức sản xuất”**

(Kèm theo Quyết định số *1153*/QĐ-UBND ngày *27/5*/2022 của UBND tỉnh)

1. Có vùng sản xuất hàng hóa tập trung đối với sản phẩm chủ lực của xã sản xuất theo tiêu chuẩn, đủ điều kiện để cấp mã số vùng sản xuất; có sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên; có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn thực phẩm; thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Có từ 2 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) và ứng dụng phần mềm truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông lâm thủy sản đối với sản phẩm chủ lực.

Phụ lục 02:**Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “Giáo dục”**

(Kèm theo Quyết định số ~~453~~ ²⁷ QĐ-UBND ngày ~~27~~ ⁵ /2022 của UBND tỉnh)

1. Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi vào nhà trẻ đạt 42% trở lên; trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo đạt 100%.
2. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%; học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học vào lớp 6 đạt 100%.
3. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp nghề đạt từ 95% trở lên; học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào các trường đại học đạt trên 55%.

Phụ lục 03:
Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “Văn hóa”
(Kèm theo Quyết định số ~~1153~~ QĐ-UBND ngày ~~27~~ 5/2022 của UBND tỉnh)

1. Có 100% số thôn trên địa bàn xã có tối thiểu 03 năm liên tiếp đạt danh hiệu “Làng văn hóa” tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu.
2. Xã có Trung tâm Văn hóa (hoặc hội trường đa năng) đạt chuẩn; 100% số thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3. Trên địa bàn xã có tối thiểu 03 công trình thể thao cơ bản (sân vận động hoặc sân bóng đá; bể bơi, hồ bơi hoặc ao bơi; nhà tập luyện hoặc phòng, sân luyện tập thể dục thể thao) phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí, thể thao của trẻ em, người cao tuổi và cộng đồng dân cư.
4. Có 92% trở lên số hộ gia đình trên địa bàn xã được công nhận danh hiệu Gia đình văn hóa.
5. Có 80% trở lên số hộ gia đình trên địa bàn xã thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang; thực hiện nghiêm các quy định của UBND tỉnh về ứng xử văn hóa tại di tích (nếu có).
6. Xã có tối thiểu 01 mô hình về văn hóa, thể thao hoặc gia đình tiêu biểu; mỗi thôn có ít nhất 01 câu lạc bộ văn nghệ hoặc câu lạc bộ thể thao hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Phụ lục 04:

Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “Cảnh quan môi trường”

(Kèm theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh)

1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định đạt từ 98% trở lên.
2. Có trên 70% số tuyến đường xã, thôn có rãnh thoát nước, có nắp đậy và được trồng đồng bộ cây bóng mát, hoa, cây cảnh hoặc trang trí khác để tạo cảnh quan môi trường; định kỳ hàng tuần tổ chức tổng vệ sinh môi trường đường làng, ngõ, xóm, khu dân cư.
3. Có mô hình bảo vệ môi trường tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; trồng và chăm sóc cây bóng mát, hoa, cây cảnh; câu lạc bộ, đội tuyên truyền bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút sự tham gia của cộng đồng.
4. Cải tạo, xây dựng các ao, hồ sinh thái trong khu dân cư; đối với các ao, hồ có sẵn ở địa phương, cần thường xuyên nạo vét bùn, tiêu diệt các loài côn trùng gây các bệnh truyền nhiễm, thay nước (nếu đã bị ô nhiễm).
5. Có trên 60% số hộ gia đình trong xã thực hiện phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình hoặc có trên 60% số hộ gia đình trong xã thực hiện phân loại rác thải hữu cơ và được thu gom, vận chuyển, xử lý tại bãi chôn lấp rác thải hữu cơ hợp vệ sinh.
6. 100% phế phụ phẩm nông nghiệp và chất thải, nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi phải được tận thu, tái sử dụng, xử lý triệt để bằng các biện pháp phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường.
7. Giảm thiểu phát sinh nước thải sinh hoạt tại nguồn, có biện pháp xử lý, cải thiện ô nhiễm do nước thải sinh hoạt; tại các khu, cụm dân cư, phải đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Phụ lục 05**Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “An ninh trật tự”**

(Kèm theo Quyết định số ~~1153~~ **175**/QĐ-UBND ngày ~~27~~ **27**/5/2022 của UBND tỉnh)

1. Tối thiểu 03 năm liên tiếp, liền kề tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu về “An ninh trật tự”: Trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người trái pháp luật; tệ nạn xã hội được kiểm chế giảm; không có công dân cư trú trên địa bàn xã phạm tội nghiêm trọng trở lên, tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội giảm theo từng năm.
2. Xã được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự quy định tại Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021 của Bộ Công an quy định về khu dân cư xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”.
3. Xã được đánh giá, phân loại phong trào hàng năm đạt “Xuất sắc” theo Quyết định số 510/QĐ-BCA-V05, ngày 20/01/2022 của Bộ Công an về việc ban hành quy định tiêu chí đánh giá, phân loại phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.
4. Lực lượng Công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh; tối thiểu 03 năm liên tiếp, liền kề tính đến thời điểm đánh giá, đề nghị công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu đạt danh hiệu “Tiên tiến” trở lên và có ít nhất 01 năm đạt “Quyết thắng”.

Phụ lục 06:**Quy định nội dung kiểu mẫu về lĩnh vực “Chuyển đổi số”**

(Kèm theo Quyết định số ~~1153~~ /QĐ-UBND ngày ~~27~~ 15/2022 của UBND tỉnh)

1. Về Chính quyền số

- Có các ứng dụng dùng chung của tỉnh: Sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành trong quản lý, điều hành công việc; sử dụng hệ thống Cổng dịch vụ công và một cửa điện tử của tỉnh; sử dụng hệ thống thư điện tử của tỉnh; sử dụng chữ ký số chuyên dùng.

- Số hóa tài liệu, hồ sơ công việc của xã được lưu trữ tại Trung tâm lưu trữ của tỉnh (đảm bảo yêu cầu số hóa kết quả thủ tục hành chính còn hiệu lực đạt tối thiểu 15% thủ tục hành chính).

- Có hệ thống ứng dụng tiếp nhận phản ánh giữa chính quyền xã với người dân.

- Có hệ thống hội nghị truyền hình kết nối với hệ thống hội nghị truyền hình cấp huyện, cấp tỉnh, cấp Trung ương.

- Có hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông, công nghệ thông tin.

2. Về Kinh tế số

- 100% hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã đủ điều kiện được đưa lên sàn thương mại điện tử.

- Trên 50% hộ sản xuất, kinh doanh được đào tạo, tập huấn, hướng dẫn kỹ năng quảng bá, giới thiệu, kinh doanh, mua bán các sản phẩm trên sàn thương mại điện tử, các nền tảng số (Zalo, Facebook, Youtube,...), kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin, thanh toán trực tuyến.

3. Về Xã hội số

- Có ít nhất một mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các lĩnh vực như: An ninh trật tự, an toàn giao thông, sản xuất - kinh doanh, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, chiếu sáng, môi trường, phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thương hiệu, thị trường, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Số hóa địa chỉ nhà dân, các cơ quan, đơn vị hình thành cơ sở dữ liệu về bản đồ số của xã phục vụ phát triển thương mại điện tử, chuyển phát bưu chính.